

Tây Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (nhóm 2) trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu thông trên thị trường theo quy định của Quy chuẩn quốc gia, Mã số QCVN 16:2014 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

**GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG**

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BXD ngày 15/9/2014 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (VLXD), Mã số QCVN 16:2014/BXD.

Căn cứ Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 10/11/2009 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh.

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế - Vật liệu xây dựng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (nhóm 2) trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu thông trên thị trường theo quy định của Quy chuẩn quốc gia, Mã số QCVN 16:2014 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**Điều 2.** Giao Phó Trưởng phòng – Phòng Kinh tế - Vật liệu xây dựng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này và báo cáo Giám đốc Sở.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở Xây dựng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. <sup>va</sup>

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng KTHT các huyện;
- Phòng QLĐT thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Các đơn vị theo Phụ lục 1;
- Lưu: VT, KT-VLXD.Tâm.



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Minh

**KẾ HOẠCH**

**Kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (nhóm 2)  
trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu thông trên thị trường  
theo quy định của Quy chuẩn quốc gia, Mã số QCVN 16:2014  
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 362/QĐ-SXD ngày 30/12/2015.)*

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BXD ngày 15/9/2014 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (VLXD), Mã số QCVN 16:2014/BXD.

Căn cứ Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 10/11/2009 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh.

Sở Xây dựng ban hành Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành pháp luật về VLXD đối với các đơn vị trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu thông sản phẩm VLXD trên thị trường trong toàn tỉnh như sau:

**I. Căn cứ pháp lý triển khai Kế hoạch kiểm tra**

1. Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng.

2. Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

3. Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh VLXD; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

5. Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ về quản lý VLXD.

6. Thông tư số 21/2010/TT-BXD ngày 16/01/2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa VLXD.

7. Thông tư số 01/2010/TT-BXD ngày 08/01/2010 của Bộ Xây dựng quy định công tác quản lý chất lượng clanhke xi măng Poóc lăng thương phẩm.

8. Thông tư số 26/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường.



9. Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

10. Thông tư số 15/2014/TT-BXD ngày 15/9/2014 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn quốc gia về sản phẩm, hàng hóa VLXD.

11. Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BXD-BNV ngày 16/11/2015 của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành Xây dựng.

12. Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 10/11/2009 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh.

13. Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 01/02/2010 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Quy hoạch phát triển VLXD tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 (Quy hoạch phát triển VLXD).

14. Hướng dẫn số 228/HD-SXD ngày 09/02/2015 của Sở Xây dựng hướng dẫn quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa VLXD trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

15. Hướng dẫn số 371/HD-SXD ngày 17/3/2015 của Sở Xây dựng về công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa VLXD khi lưu thông trên thị trường và sử dụng trong công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

16. Các văn bản pháp luật khác liên quan đến quá trình hoạt động doanh nghiệp, tài nguyên và môi trường, lao động, nhãn hàng hóa, niêm yết giá và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

## **II. Đối tượng kiểm tra**

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh VLXD (nhóm 2) theo quy định của Quy chuẩn quốc gia mã số QCVN 16:2014 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BXD trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

*(Danh sách theo Phụ lục 1 đính kèm)*

## **III. Mục tiêu, yêu cầu**

Hướng dẫn và kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa VLXD của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh VLXD thuộc nhóm 2 quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BXD ngày 15/9/2014 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn quốc gia về sản phẩm, hàng hóa VLXD; mã số QCVN 16:2014/BXD.

## **IV. Thành phần Đoàn Kiểm tra**

1. Trưởng Đoàn kiểm tra:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Vui – Phó Trưởng phòng, Phòng Kinh tế - Vật liệu xây dựng (Phòng KT-VLXD), Sở Xây dựng.

2. Thư ký: Ông Dương Minh Tâm – Chuyên viên, Phòng KT-VLXD, Sở Xây dựng.

### 3. Thành viên Đoàn Kiểm tra:

- Đại diện UBND các huyện, thành phố (UBND cấp huyện) nơi có doanh nghiệp được kiểm tra.
- Đại diện lãnh đạo Phòng Kinh tế Hạ tầng các huyện và Phòng Quản lý đô thị thành phố Tây Ninh nơi có doanh nghiệp được kiểm tra.
- Đại diện lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) nơi có doanh nghiệp được kiểm tra.

## V. Nội dung kiểm tra

### 1. Việc tuân thủ pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa VLXD

- Chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy định tại Điều 23, Điều 28 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Điều 4 Thông tư số 21/2010/TT-BXD.
- Việc thực hiện trách nhiệm của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy theo quy định tại Điều 16 – Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN.
- Chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 theo quy định tại các Điểm 3.1.2.2, Phần 3 – Thông tư số 15/2014/TT-BXD (nếu có).

### 2. Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về nhãn hàng hóa và việc niêm yết giá

- Kiểm tra việc thực hiện ghi nhãn hàng hóa đối với sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường theo quy định tại Điều 11, 12 – Nghị định số 89/2006/NĐ-CP.
- Kiểm tra việc thực hiện niêm yết giá sản phẩm hàng hóa theo quy định tại Điều 12 – Luật Giá 2012

## VI. Quy trình thực hiện kiểm tra tại đơn vị sản xuất, kinh doanh VLXD

Đoàn Kiểm tra tiến hành kiểm tra theo trình tự, thủ tục và quy trình sau đây:

1. Công bố Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra tại văn phòng làm việc của UBND các huyện, thành phố.
2. Tiến hành kiểm tra theo các nội dung tại Mục V của Kế hoạch này.
3. Lập biên bản kiểm tra (*theo mẫu tại Phụ lục 2*).

Biên bản lập xong phải có chữ ký của đại diện đơn vị được kiểm tra và Đoàn Kiểm tra. Trường hợp đại diện đơn vị được kiểm tra không ký biên bản thì biên bản có chữ ký của Trưởng đoàn và các thành viên Đoàn Kiểm tra vẫn có giá trị pháp lý.

4. Trong quá trình kiểm tra, nếu có phát sinh những vấn đề vượt thẩm quyền, Trưởng đoàn đề xuất giải pháp thực hiện và báo cáo kịp thời cho Giám đốc Sở Xây dựng.

## VII. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra.
2. Phó Trưởng phòng, Phòng KT-VLXD:
  - Công bố Quyết định ban hành Kế hoạch này cho các thành viên Đoàn Kiểm tra biết, phối hợp thực hiện.
  - Tổ chức, triển khai thực hiện theo nội dung Kế hoạch.
  - Báo cáo kết quả kiểm tra trình Giám đốc Sở Xây dựng.



- Trong quá trình kiểm tra nếu có phát sinh những vấn đề vượt thẩm quyền, Phó Trưởng phòng - Phòng KT-VLXD phải đề xuất giải pháp thực hiện báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Giám đốc Sở Xây dựng.

- Tổ chức hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc của đơn vị, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực VLXD.

### 3. Văn phòng Sở Xây dựng:

Bố trí phòng họp, xe để phục vụ Đoàn Kiểm tra trong suốt quá trình thực hiện Kế hoạch kiểm tra.

### 4. Các thành viên Đoàn Kiểm tra:

- UBND cấp huyện; Phòng Kinh tế Hạ tầng các huyện; Phòng Quản lý Đô thị thành phố và UBND cấp xã lập danh sách cử người phối hợp làm việc cùng với Đoàn kiểm tra, gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp;

- UBND cấp xã thông báo lịch kiểm tra đến các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh VLXD theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mã số QCVN 16:2014 trên địa bàn (*danh sách theo Phụ lục 1 đính kèm*) biết để phối hợp thực hiện Kế hoạch này;

- UBND cấp huyện và xã đề xuất, bổ sung các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh VLXD theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mã số QCVN 16:2014 trên địa bàn không có trong danh sách tại *Phụ lục 1* trên.

- Phối hợp với thành viên Đoàn kiểm tra: Kiểm tra về pháp lý, thông tin chung của doanh nghiệp.

### 5. Thư ký Đoàn:

- Lập biên bản kiểm tra.

- Lưu giữ hồ sơ, các biên bản và tài liệu của Đoàn Kiểm tra;

- Tổng hợp ý kiến của các đơn vị được kiểm tra và các thành viên Đoàn Kiểm tra (nếu có).

6. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh VLXD theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mã số QCVN 16:2014 trên địa bàn (*Danh sách theo Phụ lục 1 đính kèm*) chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Cung cấp hồ sơ cho Đoàn Kiểm tra: Bảng danh mục các tài liệu theo mẫu tại *Phụ lục 3*.

- Chuẩn bị đầy đủ các chứng từ, tài liệu (bản chính) liên quan đến nội dung nội dung kiểm tra theo mục V của Kế hoạch này.

- Phân công người đại diện theo pháp luật, bố trí nhân sự có chuyên môn nghiệp vụ làm việc với Đoàn Kiểm tra. Trường hợp người đại diện vắng mặt thì người được giao nhiệm vụ thay thế phải có giấy ủy quyền hợp lệ.

- Nghiêm túc thực hiện các nội dung kết luận của Đoàn kiểm tra, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Xây dựng; chấp hành quy định pháp luật về quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa VLXD phải thực hiện công bố hợp quy.

- Có biện pháp nhằm ngăn ngừa, khắc phục các hành vi vi phạm (nếu có) theo kết quả làm việc của Đoàn kiểm tra, tránh trường hợp sản phẩm, hàng hóa VLXD do đơn vị mình sản xuất, kinh doanh không đủ điều kiện lưu thông theo quy định pháp luật và bị cơ

quan quản lý nhà nước ban hành Thông báo tạm dừng lưu thông sản phẩm, hàng hóa VLXD trên thị trường theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 – Thông tư số 26/2012/TT-BKHCN.

### VIII. Tiến độ thực hiện

Thời gian thực hiện: (đính kèm Lịch công tác dự kiến của Đoàn kiểm tra – Phụ lục 4)

- Đoàn Kiểm tra bắt đầu hoạt động từ khi lãnh đạo Sở Xây dựng ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch và kết thúc khi hoàn chỉnh báo cáo kết quả kiểm tra và được lãnh đạo Sở Xây dựng thông qua.

- Đối tượng được kiểm tra: Danh sách theo Phụ lục số 1 đính kèm.

Ghi chú: Sở Xây dựng sẽ gửi Thông báo Lịch công tác cụ thể của Đoàn kiểm tra đến các thành viên trong Đoàn để phối hợp tổ chức thực hiện trước 03 ngày làm việc.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra tình hình hoạt động của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh VLXD trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2015. Đề nghị các đơn vị được kiểm tra, các cơ quan có liên quan tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn Kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan liên hệ Phòng KT-VLXD - Sở Xây dựng; số 314, đường Cách mạng tháng Tám, phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; điện thoại số 066 3922838 để được hướng dẫn, phối hợp tổ chức thực hiện. /.

#### Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng KTHT các huyện;
- Phòng QLĐT thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Các đơn vị theo Phụ lục 1;
- Lưu: VT, KT-VLXD.Tâm.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Minh**



**Phụ lục 1**

**Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh VLXD (nhóm 2)**

**theo quy định của Quy chuẩn quốc gia, Mã số QCVN 16:2014**

**(Đính kèm Quyết định số: 362...../QĐ-SXD ngày 20/11/2015 của Sở Xây dựng)**

STT	TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ		
		ấp	địa phương	Điện thoại
<b>I</b>	<b>Nhóm sản phẩm clanhke xi măng và xi măng</b>			
1	Nhà máy Xi măng Fico Tây Ninh	Ấp Cây Cày, xã Tân Hòa	Tân Châu	
<b>II</b>	<b>Nhóm sản phẩm kính xây dựng</b>			
<b>III</b>	<b>Nhóm sản phẩm phụ gia cho xi măng, bê tông và vữa</b>			
2	Công ty TNHH Vinkems	Lô 49B, đường C, Khu chế xuất và Công nghiệp Linh Trung III	Trảng Bàng	
<b>IV</b>	<b>Nhóm sản phẩm vật liệu xây dựng chứa sợi vô cơ, sợi hữu cơ tổng hợp; sản phẩm nhôm và hợp kim nhôm định hình; ống nhựa polyvinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U) và sản phẩm trên cơ sở gỗ</b>			
<b>V</b>	<b>Nhóm sản phẩm sơn, vật liệu chống thấm và vật liệu xảm khe</b>			
3	Công ty TNHH Công nghệ Khoa học Kỹ thuật Hóa Chất Bảo Liên	Đường số 7, KCN Trảng Bàng, xã An Tịnh	Trảng Bàng	
<b>VI</b>	<b>Nhóm sản phẩm gạch, đá ốp lát</b>			
4	Công ty TNHH Tin Phúc	37 ấp Long Thời, xã Long Thành Bắc	Hòa Thành	066 394 0489
5	Công ty TNHH Tây Phố	2A, đường 29A4, Nguyễn Văn Linh, ấp Trường Phước	Hòa Thành	066 627 1617
6	DNTN Thiện Mỹ	1/14B, Tò 1, ấp Long Trung, xã Long Thành Trung	Hòa Thành	
7	Công ty TNHH Hồng Đức	97, Huỳnh Tân Phát, Kp. Hiệp Bình, phường Hiệp Ninh	thành phố Tây Ninh	
<b>VII</b>	<b>Nhóm sản phẩm sứ vệ sinh</b>			
8	Chi nhánh Tây Ninh - Công ty TNHH MTV TM Đồng Tâm	Đường 22A, ấp Trâm Vàng II, xã Thanh Phước	Gò Dầu	066 351 4765
<b>VIII</b>	<b>Nhóm sản phẩm cốt liệu cho bê tông và vữa</b>			
9	Công ty Cổ phần Khoáng sản Fico Tây Ninh	Tổ 46, ấp Lộc Trung, Lộc Ninh	Dương Minh Châu	066.3726727- 066.360.2666
10	Công ty Cổ phần Hải Đăng	Số 370 đường 30/4, khu phố 1, Phường 3	thành phố Tây Ninh	
11	Công ty Cổ phần Phú Thịnh	18 Võ Thị Sáu, KP4, Phường 3	thành phố Tây Ninh	
12	Công ty Cổ phần Vật liệu & Xây dựng Tây Ninh	62 Trần Phú, xã Ninh Sơn	thành phố Tây Ninh	
13	Công ty Cổ phần Bê tông Tây Ninh	530, Đường 30/4, Phường 3	thành phố Tây Ninh	
14	Công Ty Cổ Phần Bê Tông Và Cầu Kiên Tây Ninh	18, Đường Võ Thị Sáu, Phường 3	thành phố Tây Ninh	



STT	TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ		
		ấp	địa phương	Điện thoại
15	Xí nghiệp khai thác Vật liệu & Xây dựng Dầu Tiếng	Tổ 39, ấp B2, xã Phước Minh	Dương Minh Châu	091 3902 762
16	DNTN Huy Thiện	Ấp 3, xã Suối Dây	Tân Châu	0983 864 237
17	Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Tây Ninh	Số 15 Võ Thị Sáu, Phường 3	thành phố Tây Ninh	066 382 5918
<b>IX</b>	<b>Nhóm sản phẩm cửa sổ, cửa đi</b>			
18	Công ty TNHH Việt Thu	52, Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh; ĐT: 0918 182 774; 066 3611622 170/6, ấp Ninh Trung, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh; ĐT: 0918 553 378	thành phố Tây Ninh	0918 182 774 066 3611622
<b>X</b>	<b>Nhóm sản phẩm vật liệu xây</b>			
19	Công ty Cổ phần Gia Quốc Thành	283, đường 30/4, Khu phố 1, Phường 1	thành phố Tây Ninh	0909.452 257
20	Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh	Km 26, quốc lộ 22B, ấp Long Bình, Xã Long Thành Nam	Hòa Thành	
21	Công ty Cổ phần Cosinco Bến Cầu	Tổ 7, ấp B, Xã Tiên Thuận	Bến Cầu	
22	Công ty Cổ phần Gia Huỳnh Phát	Số E 1/1 ấp Hiệp Long, xã Hiệp Tân	Hòa Thành	
23	Công ty Cổ phần Hiệp Đồng Tâm	Số 163 đường Hùng Vương, khu phố 4, Thị trấn Hòa Thành	Hòa Thành	
24	Bà Võ Thị Kim Loan Công ty TNHH Đăng Khoa	Tổ 12, ấp Bùng Bình, xã Hưng Thuận	Trảng Bàng	
25	Công ty TNHH TM DV Phú Quân	Mỏ cát Bầu Vương, tổ 12, Phước Bình 1, Suối Đá	Dương Minh Châu	0908 49 72 72
26	Công ty TNHH TM DV Cát Giang	Tổ 7, ấp 4, xã Suối Dây	Tân Châu	091 88 99 667
27	Công ty TNHH Khương Vinh	216 Thuận Hòa, Trông Mít	Dương Minh Châu	066 2473146
28	Công ty TNHH Minh Thành	35 - 37 Đặng Văn Lý, Khu phố 5, Phường 3	thành phố Tây Ninh	
29	DNTN Tiến Triển	Tổ 5, ấp Phước Trung, Xã Phước Vinh	Châu Thành	0986 56 56 17
30	DNTN Trường Thăng	Số 212, ấp 3, Xã Phước Vinh	Châu Thành	066 378 6979
31	Công ty TNHH MTV Block xanh	399 Trần Phú, Ninh Thành, Ninh Sơn	thành phố Tây Ninh	
32	Công ty TNHH Trường Thành	Ấp Giồng Tre, xã Bình Minh	thành phố Tây Ninh	0913.88.44.80
33	Công ty TNHH MTV Đức Thọ	Số 2A65, đường Trưng Nữ Vương, khu phố 5, Phường 1	thành phố Tây Ninh	0913.648.096
34	Công ty TNHH MTV Gạch Hòa Thành	ấp Trường Huệ, Quốc Lộ 22, xã Trường Tây	Hòa Thành	066 3840363
35	Công ty TNHH Hiệp Hòa Lợi	Số 260, Quốc lộ 22B, ấp Trường Huệ, xã Trường Tây	Hòa Thành	066 3844427



STT	TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ		
		ấp	địa phương	Điện thoại
36	Công ty TNHH MTV 22-12 Tây Ninh	96 Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn	thành phố Tây Ninh	066 3827103
37	Công ty Cổ phần Gạch Ngói Tây Ninh	ấp Long Bình, xã Long Thành Nam	Hòa Thành	
38	Công ty gạch Cosinco	ấp Long Yên, xã Long Thành Nam	Hòa Thành	
39	Công ty TNHH Nhơn Phước Lợi	ấp Long Trung, xã Long Thành Trung	Hòa Thành	
40	Công ty Cổ phần Cotaco	ấp Long Trung, xã Long Thành Trung	Hòa Thành	
41	Cơ sở Trần Thị Phước	ấp Long Trung, xã Long Thành Trung	Hòa Thành	
42	DNTN Thành Thắng	ấp Long Trung, xã Long Thành Trung	Hòa Thành	
43	DNTN Thành Lợi	ấp Long Trung, xã Long Thành Trung	Hòa Thành	
44	DNTN Như Bảo	Tịnh Phong, An Tịnh	Trảng Bàng	0913.955.878
45	Công ty TNHH Phước Lập	Tịnh Phong, An Tịnh	Trảng Bàng	0918.089.291
46	DNTN Minh Vũ	Lộc An, Lộc Hưng	Trảng Bàng	
47	DNTN Long Biên	Lộc Bình, Lộc Hưng	Trảng Bàng	0937.570.727
48	DNTN Minh Khánh	Lộc An, Lộc Hưng	Trảng Bàng	0906.757.456
49	DNTN Hoa Sơn	Lộc Bình, Lộc Hưng	Trảng Bàng	0917.909.938
50	Công ty TNHH Thiện Thành	Lộc Bình, Lộc Hưng	Trảng Bàng	0983.766.222
51	Công ty TNHH Bình An	Lộc An, Lộc Hưng	Trảng Bàng	0913.701.949
52	DNTN Hoàng Dung	Lộc Tân, Lộc Hưng	Trảng Bàng	
53	Chi nhánh Công ty TNHH Đông Á	Lộc Bình, Lộc Hưng	Trảng Bàng	
54	DNTN Khánh Minh	Lộc Bình, Lộc Hưng	Trảng Bàng	
55	Công ty TNHH Đăng Khoa	Bùng Bình, Hưng Thuận	Trảng Bàng	
56	Cơ sở sản xuất Thiên Phúc	Bùng Bình, Hưng Thuận	Trảng Bàng	0977 111 107
57	DNTN Tân An	Bùng Bình, Hưng Thuận	Trảng Bàng	0944.445.255
58	DNTN Trường Đạt	Bùng Bình, Hưng Thuận	Trảng Bàng	0944.445.255
59	Cơ sở sản xuất gạch Thái Quốc Bửu	Phước Thành, Phước Lưu	Trảng Bàng	0985.66.22.09
60	DNTN Đăng Quang	Sóc Lào, Đôn Thuận	Trảng Bàng	0913.148.839
61	Công ty TNHH Khương Vinh	Thuận Hòa, Trông Mít	Dương Minh Châu	066.2473146
62	DNTN Lạc Hồng	Phước Tân 1, xã Phan	Dương Minh Châu	0909.88.57.89
63	DNTN Bảo Ngọc	Thuận Phước, Trông Mít	Dương Minh Châu	
64	Công ty TNHH Minh Tân	Cây Trắc, Phước Đông	Gò Dầu	
65	Công ty TNHH SX Gạch Phước Thạnh	Phước Bình B, Phước Thạnh	Gò Dầu	
66	Công ty TNHH Đại Phú	Đá Hàng, Hiệp Thạnh	Gò Dầu	
67	Trần Văn Rinh	ấp Chánh, An Thạnh	Bến Cầu	0985.209.522\
68	COSINCO Bến Cầu	Ấp B, Tiên Thuận	Bến Cầu	0933.35.11.53
69	Phan Quốc Bảo	Ấp Cao Su, Long Giang	Bến Cầu	0903.985.562
70	Đức Huy	Ấp B, Tiên Thuận	Bến Cầu	0932.66.07.68
71	Công ty TNHH Hoàng Duy	Ấp Long Hòa 1, Long Chử	Bến Cầu	0169.281.3318



STT	TÊN CƠ QUAN	ĐỊA CHỈ ĐƠN VỊ		
		ấp	địa phương	Điện thoại
72	Phạm Thị Lãnh (Đnam)	Ấp Long Giao, Long Chử	Bến Cầu	0918.553554
73	Đỗ Văn Chuối	Ấp Long Thanh, Long Chử	Bến Cầu	0985.154405
74	Công ty TNHH Long Thái Hòa	Xã Tân Phong	Tân Biên	066.3650.580
75	Cơ sở sản xuất gạch Tài Lộc	Xã Thanh Tây	Tân Biên	066.387.4936
76	DNTN Trung Hữu	Xã Tân Bình	Tân Biên	0983.874.602
77	Cơ sở sản xuất gạch Hoài Nam	Xã Thanh Tây	Tân Biên	0938.066.366
78	Cơ sở sản xuất gạch Hoàng Thái	Xã Hòa Hiệp	Tân Biên	066.3504.737
79	Cơ sở sản xuất gạch Thành Lợi	Xã Thanh Tây	Tân Biên	066.3741.353
80	Cơ sở sản xuất gạch TG Cây Cày	Xã Thanh Bình	Tân Biên	
81	Cty TNHH Long Thái Hòa	ấp Suối Dộp, xã Thái Bình	Châu Thành	0918 420 021
82	Công ty TNHH Đức Lợi	ấp Xóm Mới, xã Trí Bình	Châu Thành	0663 878 211
83	DNTN Minh Long	ấp Hòa Bình, xã Hòa Hội	Châu Thành	0913 955 024
84	Cty TNHH Lâm Sơn	ấp Bồ Lớn, xã Hòa Hội	Châu Thành	
85	Công ty TNHH Duy Hải	ấp Bưng Rò, xã Hòa Hội	Châu Thành	
86	DNTN Hải Hưng	ấp Nam Bên Sỏi, xã Thành Long	Châu Thành	
87	DNTN Việt Phong	ấp Nam Bên Sỏi, xã Thành Long	Châu Thành	
88	Công ty TNHH Ngọc Lợi	ấp Thanh Trung, xã Thanh Điền	Châu Thành	0663 826 591; 0918 622 080
89	DNTN Kính Hải Đăng Khoa	ấp Long Chân, xã Long Vĩnh	Châu Thành	
90	Công ty TNHH Tăng Thành	ấp Long Chân, xã Long Vĩnh	Châu Thành	
91	DNTN Anh Thông	ấp Long Chân, xã Long Vĩnh	Châu Thành	
92	Cty TNHH Hiệp Phát	ấp Gò Nổi, xã Ninh Điền	Châu Thành	0663 781 994
93	CN Công ty TNHH Bitraco	ấp Trà Sim, xã Ninh Điền	Châu Thành	0663 781 939
94	DNTN Tiên Thành	ấp Bên Cù, xã Ninh Điền	Châu Thành	0938 984 131
95	Công ty TNHH Việt Chánh	ấp Bên Cù, xã Ninh Điền	Châu Thành	0913 778 708
96	CSSX Thành Hưng	ấp Trà Sim, xã Ninh Điền	Châu Thành	0909 295 278
97	CSSX gạch Biên Phòng TN (Lạc Hồng)	ấp Phước Trung, xã Phước Vinh	Châu Thành	
98	Cty TNHH Chung Phát (Hoàng Gia)	ấp Phước Hòa, xã Phước Vinh	Châu Thành	
99	CSSX Phước Vinh	ấp Phước Hòa, xã Phước Vinh	Châu Thành	
100	CSSX Phú Hải	ấp Phước Hòa, xã Phước Vinh	Châu Thành	
101	CSSX Rạng Đông	ấp Phước Hòa, xã Phước Vinh	Châu Thành	
102	Cty TNHH MTV XNK C.N. C	Tổ 5, ấp Phước Hòa, xã Phước Vinh	Châu Thành	
103	CSSX Chân Thịnh	ấp Phước Hòa, xã Phước Vinh	Châu Thành	
104	CSSX gạch Hồng Tháo (Tiền Tài cũ)	ấp Phước Hòa, xã Phước Vinh	Châu Thành	
105	Cty CP XD Giao thông TN	ấp Phước Hòa, xã Phước Vinh	Châu Thành	
<b>XI</b>	<b>Đơn vị khác</b>			
106	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy	250 Lý Thường Kiệt, khu phố 4, thị trấn Hòa Thành	Hòa Thành	0663.841.114
107	Công ty TNHH SX XD TM & DV Huỳnh Anh	640-642, đường 30/4, KP. Hiệp Thanh, phường Hiệp Ninh	thành phố Tây Ninh	066.363.2222



**Phụ lục 2**  
**Mẫu Biên bản kiểm tra**

(Đính kèm Quyết định số: ..362...../QĐ-SXD ngày 30./12./2015. của Sở Xây dựng)

**SỞ XÂY DỰNG**  
**ĐOÀN KIỂM TRA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Số: /SXD-ĐKT

Tây Ninh, ngày tháng năm 201...

**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra tình hình hoạt động của đơn vị sản xuất, kinh doanh VLXD**  
**Sản xuất  Kinh doanh**

**I. Căn cứ kiểm tra:**

Quyết định số ...../QĐ-SXD ngày ....../...../201... của Sở Xây dựng.

**II. Thời gian kiểm tra:** .... giờ .... ngày ..... tháng .... năm 201....

**III. Địa điểm kiểm tra:**.....

**IV. Thành phần Đoàn kiểm tra:**

Theo Quyết định số ...../QĐ-SXD ngày ....../...../201... của Sở Xây dựng.

**V. Đơn vị được kiểm tra:**

- Tên công ty: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: .....
- Email: .....
- Đại diện đơn vị:
  - + Ông/Bà: ..... Chức vụ:
  - Điện thoại: ....., email: .....
  - + Ông/Bà: ..... Chức vụ:
  - Điện thoại: ....., email: .....

**VI. Thông tin về sản phẩm, hàng hóa:**

- Tên sản phẩm, hàng hóa: .....
- Kiểu, loại: .....
- Nhãn hiệu: .....
- Nơi sản xuất: .....

**VII. Nội dung - kết quả kiểm tra:**

Đoàn Kiểm tra tiến hành kiểm tra tình hình hoạt động của đơn vị, bao gồm các nội dung sau:

1. Việc tuân thủ pháp luật về lao động: Theo **Phụ lục a** đính kèm.





Biên bản được lập thành .... bản có giá trị như nhau vào lúc ..... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm 201..., đã được các bên thống nhất thông qua; 01 bản giao cho đơn vị được kiểm tra, mỗi thành viên Đoàn Kiểm tra giữ 01 bản./.

**Đại diện**  
**Đơn vị được kiểm tra**

**Trưởng Đoàn**

**Nguyễn Thị Ngọc Vui**

.....  
**Thành viên Đoàn**  
**UBND huyện, thành phố**

**Thành viên Đoàn**  
**Phòng chuyên môn**

.....  
**Thành viên Đoàn**  
**UBND cấp xã**

.....

**Phụ lục a**

**Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về lao động**

(Kèm theo Biên bản số ...../SXD-ĐKT ngày ...../...../201... của Đoàn kiểm tra)

**❖ Nội dung kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về lao động của doanh nghiệp:**

1. **Tổng số lao động:** .....

Trong đó:

- Có hợp đồng: .....
- + Không xác định thời hạn : .....
- + Có thời hạn : .....
- + Thời vụ : .....
- Không có hợp đồng: .....

**❖ Đối với các doanh nghiệp sản xuất, gia công VLXD, kiểm tra thêm những nội dung sau:**

2. **Người phụ trách quản lý kỹ thuật sản xuất** (Điểm 1.2, Mục 1, Phần I – Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng): .....

Có

Không

+ Họ và tên: .....

+ Trình độ (cao đẳng trở lên): .....

+ Chuyên ngành đào tạo (công nghệ vật liệu xây dựng, công nghệ hóa chất, khai thác mỏ, cơ khí, điện, tự động hóa): .....

Phù hợp

Không phù hợp

+ Loại hợp đồng lao động: .....

+ Số năm kinh nghiệm trong sản xuất VLXD (tối thiểu 03 năm): .....

Phù hợp

Không phù hợp

3. **Quản đốc phân xưởng** (điểm 1.3, mục 1, phần I – Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng): .....

Có

Không

+ Họ và tên: .....

+ Trình độ (trung cấp kỹ thuật trở lên): .....

+ Chuyên ngành đào tạo (công nghệ vật liệu xây dựng, công nghệ hoá chất, khai thác mỏ, cơ khí, điện, tự động hóa): .....

+ Chứng chỉ đào tạo về lĩnh vực kỹ thuật sản xuất được phân công phụ trách (trường hợp không thuộc các chuyên ngành đào tạo nêu trên): .....



+ Công nhân bậc 5/7 trở lên của chuyên ngành sản xuất (nếu là công nhân):

Phù hợp  Không phù hợp

+ Loại hợp đồng lao động: .....

+ Số năm kinh nghiệm trong sản xuất VLXD (tối thiểu 03 năm): .....

Phù hợp  Không phù hợp

+ Chứng chỉ về an toàn lao động: .....

• Số: ..... Ngày cấp: .....

• Đơn vị cấp: .....

4. Phó quản đốc phân xưởng (điểm 1.3, mục 1, phần I – Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng): .....

Có  Không

+ Họ và tên: .....

+ Trình độ (trung cấp kỹ thuật trở lên): .....

+ Chuyên ngành đào tạo (công nghệ vật liệu xây dựng, công nghệ hoá chất, khai thác mỏ, cơ khí, điện, tự động hóa): .....

+ Chứng chỉ đào tạo về lĩnh vực kỹ thuật sản xuất được phân công phụ trách (trường hợp không thuộc các chuyên ngành đào tạo nêu trên): .....

+ Công nhân bậc 5/7 trở lên của chuyên ngành sản xuất (nếu là công nhân):

Phù hợp  Không phù hợp

+ Loại hợp đồng lao động: .....

+ Số năm kinh nghiệm trong sản xuất VLXD (tối thiểu 03 năm): .....

Phù hợp  Không phù hợp

+ Chứng chỉ về an toàn lao động: .....

• Số: ..... Ngày cấp: .....

• Đơn vị cấp: .....

5. Tổ trưởng sản xuất (điểm 1.3, mục 1, phần I – Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng): .....

Có  Không

+ Họ và tên: .....

+ Trình độ (trung cấp kỹ thuật trở lên): .....

+ Chuyên ngành đào tạo (công nghệ vật liệu xây dựng, công nghệ hoá chất, khai thác mỏ, cơ khí, điện, tự động hóa): .....

+ Chứng chỉ đào tạo về lĩnh vực kỹ thuật sản xuất được phân công phụ trách (trường hợp không thuộc các chuyên ngành đào tạo nêu trên): .....

+ Công nhân bậc 5/7 trở lên của chuyên ngành sản xuất (nếu là công nhân):

Phù hợp  Không phù hợp

+ Loại hợp đồng lao động: .....

+ Số năm kinh nghiệm trong sản xuất VLXD (tối thiểu 03 năm): .....

Phù hợp  Không phù hợp

+ Chứng chỉ về an toàn lao động: .....

• Số: ..... Ngày cấp: .....

• Đơn vị cấp: .....

6. Trưởng ca sản xuất (khoản 1.3, mục 1, phần I – Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng): .....

Có  Không

+ Họ và tên: .....

+ Trình độ (trung cấp kỹ thuật trở lên): .....

+ Chuyên ngành đào tạo (công nghệ vật liệu xây dựng, công nghệ hoá chất, khai thác mỏ, cơ khí, điện, tự động hóa): .....

+ Chứng chỉ đào tạo về lĩnh vực kỹ thuật sản xuất được phân công phụ trách (trường hợp không thuộc các chuyên ngành đào tạo nêu trên): .....

+ Công nhân bậc 5/7 trở lên của chuyên ngành sản xuất (nếu là công nhân):

Phù hợp  Không phù hợp

+ Loại hợp đồng lao động: .....

+ Số năm kinh nghiệm trong sản xuất VLXD (tối thiểu 03 năm): .....

Phù hợp  Không phù hợp

+ Chứng chỉ về an toàn lao động: .....

• Số: ..... Ngày cấp: .....

• Đơn vị cấp: .....

7. Người lao động trực tiếp vận hành thiết bị sản xuất (điểm 1.4, mục 1, phần I – Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng):

Có  Không

+ Số lượng: .....

+ Loại hợp đồng lao động: .....

+ Chứng chỉ đào tạo theo chuyên ngành sản xuất, vận hành thiết bị:

Có .....

Không có.

+ Chứng chỉ về an toàn lao động: .....



Có .....

Không có.

8. **Người phụ trách phòng phân tích, kiểm nghiệm** (điểm 1.5, mục 1, phần I – Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng):

+ Họ và tên: .....

+ Trình độ (*cao đẳng trở lên*): .....

+ Chuyên ngành đào tạo (*theo ngành đào tạo đối với lĩnh vực phân tích, kiểm nghiệm hoặc một trong các chuyên môn của phòng phân tích, kiểm nghiệm*): .....

+ Loại hợp đồng lao động:.....

+ Chứng chỉ về an toàn lao động: .....

• Số: ..... Ngày cấp: .....

• Đơn vị cấp: .....

9. **Nhân viên thí nghiệm** (điểm 1.6, mục 1, phần I – Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11/12/2007 của Bộ Xây dựng):

+ Số lượng: .....

+ Chứng chỉ đào tạo chuyên ngành phân tích, kiểm nghiệm:

• Số lượng nhân viên đã có chứng chỉ: ..... người. Bao gồm các cá nhân sau:

.....  
.....  
.....  
.....

• Số lượng nhân viên chưa có chứng chỉ: ..... người. Bao gồm các cá nhân sau:

.....  
.....  
.....  
.....

+ Hợp đồng lao động:

• Số lượng nhân viên có hợp đồng lao động: ..... người. Bao gồm các cá nhân sau:

.....  
.....  
.....

• Số lượng nhân viên không có hợp đồng lao động: ..... người. Bao gồm các cá nhân sau:

.....  
.....  
.....  
+ Chứng chỉ về an toàn lao động:

- Số lượng nhân viên có chứng chỉ: ..... người. Bao gồm các cá nhân sau:

- Số lượng nhân viên không có chứng chỉ: ..... người. Bao gồm các cá nhân sau:

10. Ý kiến khác (nếu có):  
.....  
.....  
.....



**Phụ lục b**

**Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật**

(Kèm theo Biên bản số ...../SXD-ĐKT ngày ...../...../201... của Đoàn kiểm tra)

**Nội dung kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa:**

**I. Công bố tiêu chuẩn áp dụng**

1. Công bố tiêu chuẩn áp dụng (Khoản 1, Điều 23 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa) (thông báo các đặc tính cơ bản, thông tin cảnh báo, số hiệu tiêu chuẩn trên hàng hóa, hoặc trên bao bì, hoặc nhãn hàng hóa, hoặc tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa):

Có

Không

Nội dung thực hiện: .....  
.....  
.....  
.....

2. Sự phù hợp của chất lượng sản phẩm so với tiêu chuẩn áp dụng đã công bố (Điểm a, Khoản 1, Điều 28 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa):

Phát hiện sự không phù hợp

Chưa phát hiện sự không phù hợp

.....  
.....

3. Sự phù hợp giữa tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm so với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng (Khoản 2, Điều 23 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa):

Phù hợp

Không phù hợp

.....  
.....

4. Sự phù hợp giữa tiêu chuẩn cơ sở so với quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật và đảm bảo trình tự, thủ tục xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở (Trường hợp doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở) (Mục 1 và Mục 3, Phần IV – Thông tư số 21/2007/TT-BKHHCN ngày 28/09/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ):

Phù hợp

Không phù hợp

.....  
.....

5. Ý kiến khác (nếu có):

.....  
.....  
.....  
.....

## II. Công bố hợp quy và chứng nhận hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2:

1. Giấy chứng nhận hợp quy (Điểm d, Khoản 1, Điều 28 và Khoản 2, Điều 34 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa):

.....  
.....  
.....

2. Bản công bố hợp quy (Điểm d, khoản 1, Điều 28 và Khoản 2, Điều 34 – Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa):

Có

Không

.....  
.....  
.....

3. Thông báo tiếp nhận bản công bố hợp quy (Khoản 2 Điều 13 và Điều 15 – Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ):

.....  
.....  
.....

4. Việc sử dụng dấu hợp quy (khoản 2 và khoản 3 Điều 15 – Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ; khoản 3 Điều 16 – Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN):

+ Có sử dụng dấu hợp quy:

Có

Không

+ Sử dụng đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 – Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN:

Có

Không

• Dấu hợp quy có hình dạng, kích thước theo quy định tại Phụ lục I – Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN:

Phù hợp

Không phù hợp

.....  
.....

• Dấu hợp quy được sử dụng trực tiếp trên sản phẩm, hàng hóa hoặc trên bao bì hoặc trong tài liệu kỹ thuật hoặc trên nhãn gắn trên sản phẩm, hàng hóa ở vị trí dễ thấy, dễ đọc:

Phù hợp

Không phù hợp

.....  
.....

• Dấu hợp quy phải bảo đảm không dễ tẩy xóa và không thể bóc ra gắn lại:

Phù hợp

Không phù hợp

.....  
.....

• Dấu hợp quy có thể được phóng to hoặc thu nhỏ nhưng phải đảm bảo đúng tỷ lệ và nhận biết được bằng mắt thường:

Phù hợp

Không phù hợp

.....  
.....

• Dấu hợp quy phải được thể hiện cùng một màu, dễ nhận biết:



Phù hợp

Không phù hợp

• Dầu hợp quy còn hiệu lực:

Phù hợp

Không phù hợp

5. Thông báo hợp quy trên phương tiện thông tin (Khoản 1, Điều 16 – Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN):

Có

Không

Nội dung thực hiện: .....

6. Duy trì việc kiểm soát chất lượng, thử nghiệm và giám sát định kỳ tại doanh nghiệp (Khoản 2, Điều 16 – Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN):

Có

Không

+ Nội dung thực hiện: .....

+ Sự phù hợp so với Kế hoạch kiểm soát chất lượng của doanh nghiệp:

Phù hợp

Không phù hợp

7. Khi phát hiện sự không phù hợp của sản phẩm, hàng hóa đã công bố với quy chuẩn kỹ thuật trong quá trình sản xuất, lưu thông, vận hành, sử dụng (Khoản 4, Điều 16 – Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN):

Đơn vị đã phát hiện sự không phù hợp

Đơn vị chưa phát hiện sự không phù hợp  (không kiểm tra các nội dung tiếp theo trong tiêu chí này).

+ Kịp thời thông báo bằng văn bản về sự không phù hợp với cơ quan chuyên ngành:

Có

Không

Nội dung thực hiện: .....

+ Tạm ngừng việc xuất xưởng và tiến hành thu hồi các sản phẩm, hàng hóa không phù hợp đang lưu thông trên thị trường trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa không phù hợp có rủi ro cao gây mất an toàn cho người sử dụng; ngừng vận hành, khai thác các quá trình, dịch vụ, môi trường liên quan khi cần thiết:

Có

Không

Nội dung thực hiện: .....

+ Tiến hành các biện pháp khắc phục sự không phù hợp:

Có

Không

Nội dung thực hiện: .....

+ Thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên ngành về kết quả khắc phục sự không phù hợp trước khi tiếp tục đưa các sản phẩm, hàng hóa vào sử dụng, lưu thông, khai thác, kinh doanh:

Có

Không

Nội dung thực hiện: .....

**8. Hệ thống kiểm soát chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001 còn thời hạn hiệu lực đối với hàng hóa sản xuất, nhập khẩu trước ngày 15/10/2011 (Điều 4 – Thông tư số 11/2009/TT-BXD ngày 18/06/2009, Điều 5 – Thông tư số 01/2010/TT-BXD ngày 08/01/2010, Điều 4 – Thông tư số 14/2010/TT-BXD ngày 20/08/2010 của Bộ Xây dựng):**

Có

Không

**9. Hệ thống kiểm soát chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001:2008 còn thời hạn hiệu lực đối với hàng hóa nhập khẩu kể từ ngày 15/10/2011 (Các Điểm 6.2, Khoản 6 – QCVN 16:2011/BXD):**

Có

Không

**10. Lưu giữ hồ sơ công bố hợp quy (Khoản 5, Điều 16 – Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN):**

Có

Không

**11. Ý kiến khác (nếu có):**



**Phụ lục c**

**Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về Nhãn hàng hóa và niêm yết giá**

(Kèm theo Biên bản số ...../SXD-ĐKT ngày ...../...../201... của Đoàn kiểm tra)

**Nội dung kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về Nhãn hàng hóa và niêm yết giá:**

1. **Nhãn hàng hóa** (Điều 5 – Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30/08/2006 của Chính phủ và tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2):

Có

Không

.....  
.....

2. **Vị trí nhãn** - Nhãn hàng hóa phải được gắn trên hàng hóa, bao bì thương phẩm của hàng hóa ở vị trí khi quan sát có thể nhận biết được dễ dàng, đầy đủ các nội dung quy định của nhãn mà không phải tháo rời các chi tiết, các phần của hàng hóa (Điều 6 – Nghị định số 89/2006/NĐ-CP):

Phù hợp

Không phù hợp

.....  
.....

3. **Kích thước nhãn** - Nhận biết dễ dàng bằng mắt thường (Điều 7 - Nghị định số 89/2006/NĐ-CP):

Phù hợp

Không phù hợp

.....  
.....

4. **Màu sắc của chữ, ký hiệu và hình ảnh trên nhãn** – Phải rõ ràng, những nội dung bắt buộc thì chữ, chữ số phải có màu tương phản với màu nền của nhãn hàng hóa (Điều 8 - Nghị định số 89/2006/NĐ-CP):

Phù hợp

Không phù hợp

.....  
.....

5. **Ngôn ngữ trình bày Nhãn** (Điều 9 - Nghị định số 89/2006/NĐ-CP):

- Nội dung bắt buộc phải ghi bằng tiếng Việt; kích thước chữ bằng ngôn ngữ khác không được lớn hơn kích thước chữ của nội dung bằng tiếng Việt:

Phù hợp

Không phù hợp

.....  
.....

- Hàng hóa nhập khẩu mà trên nhãn chưa thể hiện hoặc thể hiện chưa đủ những nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt thì phải có nhãn phụ thể hiện những nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt và giữ nguyên nhãn gốc của hàng hóa. Nội dung ghi bằng tiếng Việt phải tương ứng với nội dung ghi trên nhãn gốc:

Phù hợp

Không phù hợp

6. Nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn (Điều 11, Khoản 45; Điều 12, Điều 13, Điều 14 - Nghị định số 89/2006/NĐ-CP và tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) về yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2):

- Tên hàng hóa (không được làm hiểu sai lệch về bản chất và công dụng của hàng hóa):

Có  Không  Phù hợp  Không phù hợp

- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

Hàng hóa được sản xuất trong nước thì ghi tên của tổ chức, cá nhân và địa chỉ cơ sở sản xuất hàng hoá đó:

Có  Không  Phù hợp  Không phù hợp

Hàng hóa được nhập khẩu thì ghi tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất và ghi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

Có  Không  Phù hợp  Không phù hợp

Hàng hóa của tổ chức, cá nhân làm đại lý bán hàng trực tiếp cho thương nhân nước ngoài nhập khẩu thì ghi tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất và tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân làm đại lý bán hàng hoá đó:

Có  Không  Phù hợp  Không phù hợp

Hàng hóa được nhượng quyền hoặc cho phép của một tổ chức, cá nhân khác thì ngoài việc thực hiện như quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 14 – NĐ 89/2006/NĐ-CP còn phải ghi thêm tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhượng quyền hoặc cho phép:

Có  Không  Phù hợp  Không phù hợp

- Xuất xứ hàng hóa (Đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam để lưu thông trong nước, đã ghi địa chỉ của nơi sản xuất ra hàng hoá đó thì không bắt buộc phải ghi xuất xứ hàng hóa):

Có  Không  Phù hợp  Không phù hợp

- Định lượng (ghi theo quy định của pháp luật Việt Nam):

Có  Không

- Thông số kỹ thuật:

Có  Không  Phù hợp  Không phù hợp

- Ngày, tháng sản xuất:



Có

Không

Phù hợp

Không phù hợp

.....  
- Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

Có

Không

Phù hợp

Không phù hợp

.....  
**7. Niêm yết giá (Điều 12 – Luật giá):**

Có

Không

.....  
**8. Ý kiến khác (nếu có):**  
.....  
.....  
.....

### **Phụ lục 3**

#### **Danh mục tài liệu, chứng từ cung cấp cho Đoàn kiểm tra**

(Đính kèm Quyết định số: 362.../QĐ-SXD ngày 30.../.../2015 của Sở Xây dựng)

#### **I. Các báo cáo**

1. Báo cáo tình hình hoạt động của doanh nghiệp.
2. Báo cáo danh sách lao động của doanh nghiệp hiện nay theo nội dung tại Phụ lục a – Quyết định số ...../QĐ-SXD của Sở Xây dựng.

#### **II. Về pháp lý hoạt động của doanh nghiệp**

3. 1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.
4. 2. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện (trường hợp doanh nghiệp có chi nhánh hoặc văn phòng đại diện).
3. Giấy chứng nhận quyền sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê trụ sở.
4. Điều lệ công ty.
5. Sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông.

#### **III. Về lao động**

Theo nội dung tại Phụ lục a.

#### **IV. Về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.**

Theo nội dung tại Phụ lục b.

#### **V. Về nhân hàng hóa và niêm yết giá**

Theo nội dung tại Phụ lục c.



**Phụ lục 2**  
**LỊCH CÔNG TÁC CỦA ĐOÀN KIỂM TRA**

(Dự kiến)

(Đính kèm Quyết định số: ...~~35~~.../QĐ-SXD ngày 30/11/2015  
của Sở Xây dựng)

Stt	Địa phương	Số lượng đơn vị được kiểm tra	Số ngày làm việc (dự kiến)	Ghi chú
1	Tân Biên	7	2	
2	Tân Châu	3	1	
3	Dương Minh Châu	7	2	
4	Châu Thành	27	7	
5	Bến Cầu	8	2	
6	Gò Dầu	4	1	
7	Trảng Bàng	20	5	
8	Hòa Thành	16	4	
9	Thành phố Tây Ninh	15	4	
	<b>Tổng số</b>	<b>107</b>	<b>28</b>	

Phụ lục 5

(Đính kèm Quyết định số: 362... /QĐ-SXD ngày ...20.../.../2015 của Sở Xây dựng)

UBND TỈNH TÂY NINH  
**SỞ XÂY DỰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-SXD

Tây Ninh, ngày tháng năm 201...

**THÔNG BÁO**

**Lịch công tác của Đoàn kiểm tra theo Quyết định số ...../QĐ-SXD  
ngày ..../..../201... của Sở Xây dựng**

Ngày ..../...../2015, Sở Xây dựng Tây Ninh đã ban hành Quyết định số ...../QĐ-SXD về ban hành Kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng (VLXD) nhóm 2 trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, lưu thông trên thị trường theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, Mã số QCVN 16:2014 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Theo nội dung Quyết định trên, Sở Xây dựng thông báo lịch công tác cụ thể của Đoàn kiểm tra tại huyện (thành phố), nội dung chi tiết như sau:

1. Địa phương: .....
2. Số lượng đơn vị được kiểm tra: .....
3. Ngày làm việc: Từ ..../..../201... đến ..../..../201...

(Đính kèm Lịch kiểm tra chi tiết các đơn vị tại địa phương)

Sở Xây dựng kính báo đến quý Cơ quan để phối hợp tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch trên.

Trong quá trình phối hợp thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, quý Cơ quan thông tin kịp thời về Sở Xây dựng để được hỗ trợ.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- UBND huyện/thành phố;
- Văn phòng Sở Xây dựng;
- Các đơn vị theo danh sách;
- Lưu: VT, KT-VLXD.Tâm.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Văn Minh**